

Số: /QĐ-TTYT

Phù Cát, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh;
dân số và kế hoạch hóa gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết
của Trung tâm Y tế Phù Cát**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ PHÙ CÁT

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế về hướng dẫn luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 của Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tài chính y tế tại Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2294/QĐ-BYT ngày 10/7/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Thông tư số 25/2025/TT-BYT thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Phù Cát;

Thực hiện Công văn số 1215/SYT-VP ngày 06/8/2025 của Sở Y tế Gia Lai về việc triển khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị;

Xét theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ-Điều dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; dân số và kế hoạch hóa gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm Y tế Phù Cát (*phụ lục đính kèm*);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này sẽ được bãi bỏ.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ-Điều dưỡng, Tài chính-Kế toán, phụ trách phòng Tổ chức-Hành chính và các khoa/phòng, Trạm y tế xã căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT TTYT Phù Cát;
- Lưu: VT, KH-NV-ĐD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Văn Phúc

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ĐƠN VỊ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết	Phí/Lệ phí	Bộ phận thực hiện
1		Cấp lại Giấy chứng sinh đối với trường hợp giấy chứng sinh đã được cấp có nhầm lẫn, thiếu thông tin	Dân số, bà mẹ và Trẻ em	03 ngày làm việc	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản; Trạm y tế xã
2		Cấp lại Giấy chứng sinh đối với trường hợp giấy chứng sinh bị mất, rách, nát	Dân số, bà mẹ và Trẻ em	03 ngày làm việc	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản; Trạm y tế xã
3		Cấp Giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ	Dân số, bà mẹ và Trẻ em	03 ngày làm việc	Không	Trạm y tế xã
4	1.014128	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	Khám bệnh, chữa bệnh	Theo đúng thời gian trong giấy hẹn	Không	Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ-Điều dưỡng; Các khoa điều trị phối hợp

5	2.001265	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Tài chính y tế	Giải quyết ngay sau khi xuất trình hồ sơ	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế và các Bộ khác về giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với các cơ sở	Khoa Khám bệnh, Các khoa điều trị; Phòng Tài chính - Kế toán
---	----------	--	----------------	--	--	--

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục	Cấp lại giấy chứng sinh: giấy chứng sinh đã được cấp có nhầm lẫn, thiếu thông tin
Trình tự thực hiện	
	Bước 1: Người mẹ sinh ra trẻ trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp giấy chứng sinh cho trẻ lần đầu và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ để đối chiếu. Trường hợp người đề nghị không phải là người mẹ đã sinh ra trẻ thì phải xuất trình giấy ủy quyền hợp pháp. Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm cấp lại giấy chứng sinh cho trẻ. Trường hợp không xác minh được thông tin của người mẹ hoặc thông tin không chính xác thì không cấp lại giấy chứng sinh. Mã số giấy chứng sinh cấp lại phải sử dụng mã số của giấy chứng sinh cũ đã cấp. Giấy chứng sinh cấp lại được lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh. Bước 3: Trả Giấy chứng sinh tại cơ sở khám chữa bệnh.
Cách thức thực hiện	
	Nộp trực tiếp.
Thành phần, số lượng hồ sơ	
	Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT Giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân (CCCD, CMND, Căn cước, ...) hoặc hộ chiếu của người mẹ để đối chiếu. Trường hợp người đề nghị không phải là người mẹ đã sinh ra trẻ thì phải xuất trình giấy ủy quyền hợp pháp. Giấy tờ chứng minh liên quan đến nội dung nhầm lẫn hoặc còn thiếu đối với trường hợp cấp lại do nhầm lẫn, thiếu thông tin Số lượng hồ sơ : 01 Bộ
Thời gian giải quyết	
	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	
	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	
	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	
	Giấy chứng sinh
Lệ phí (nếu có)	
	không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Đính kèm thủ tục số ...)	
	Phụ lục 1: Mẫu giấy đề nghị Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	
	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh.

PHỤ LỤC III**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG SINH***(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****Đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh**Kính gửi:¹

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của người đề nghị:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:.....

Quan hệ với trẻ được đề nghị cấp Giấy chứng sinh:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị **cấp lại Giấy chứng sinh cho trẻ dưới đây:**

Họ, chữ đệm, tên trẻ:

Tên dự kiến lúc sinh là *(Nếu có)*:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của mẹ:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:.....

Đã được cơ quan cấp Giấy chứng sinh: ngày tháng năm

Đề nghị cơ quan cấp lại Giấy chứng sinh cho trẻ vì:

1- Mất/thất lạc ☐2- Rách nát ☐3- Nhầm lẫn thông tin ☐ (Ghi cụ thể):4- Khác ☐ (Ghi cụ thể :*Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai như trên là hoàn toàn đúng.*.....²....., ngày....tháng..... năm**Người đề nghị***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*¹ Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp Giấy chứng sinh cho trẻ;² Ghi địa danh hành chính xã/phường nơi người đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh cư trú

2. Thủ tục	Cấp lại giấy chứng sinh: giấy chứng sinh bị mất, rách, nát
Trình tự thực hiện	
	Bước 1: Người mẹ sinh ra trẻ trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp giấy chứng sinh cho trẻ lần đầu và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ để đối chiếu. Trường hợp người đề nghị không phải là người mẹ đã sinh ra trẻ thì phải xuất trình giấy ủy quyền hợp pháp. Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm cấp lại giấy chứng sinh cho trẻ. Trường hợp không xác minh được thông tin của người mẹ hoặc thông tin không chính xác thì không cấp lại giấy chứng sinh. Mã số giấy chứng sinh cấp lại phải sử dụng mã số của giấy chứng sinh cũ đã cấp. Giấy chứng sinh cấp lại được lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng sinh. Bước 3: Trả Giấy chứng sinh tại cơ sở khám chữa bệnh.
Cách thức thực hiện	
	Nộp trực tiếp.
Thành phần, số lượng hồ sơ	
	Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng sinh theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT Giấy chứng sinh đã cấp (trừ trường hợp đề nghị cấp lại do mất). Giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân (CCCD, CMND, Căn cước, ...) hoặc hộ chiếu của người mẹ để đối chiếu. Trường hợp người đề nghị không phải là người mẹ đã sinh ra trẻ thì phải xuất trình giấy ủy quyền hợp pháp. Số lượng hồ sơ : 01 Bộ
Thời gian giải quyết	
	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	
	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	
	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	
	Giấy chứng sinh
Lệ phí (nếu có)	
	không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Đính kèm thủ tục số ...)	
	Phụ lục 2: Mẫu giấy đề nghị Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	
	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh.

PHỤ LỤC III**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG SINH***(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****Đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh**Kính gửi:³

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của người đề nghị:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:.....

Quan hệ với trẻ được đề nghị cấp Giấy chứng sinh:

Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh cho trẻ dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên trẻ:

Tên dự kiến lúc sinh là *(Nếu có)*:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của mẹ:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:.....

Đã được cơ quan cấp Giấy chứng sinh: ngày tháng năm

Đề nghị cơ quan cấp lại Giấy chứng sinh cho trẻ vì:

1- Mất/thất lạc ☐2- Rách nát ☐3- Nhầm lẫn thông tin ☐ (Ghi cụ thể):4- Khác ☐ (Ghi cụ thể :*Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai như trên là hoàn toàn đúng.*.....⁴....., ngày....tháng..... năm**Người đề nghị***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*³ Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp Giấy chứng sinh cho trẻ;⁴ Ghi địa danh hành chính xã/phường nơi người đề nghị cấp lại Giấy chứng sinh cư trú

3. Thủ tục	Trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ cho người sinh ra trẻ
Trình tự thực hiện	
	Bước 1: Bên nhờ mang thai hộ hoặc bên mang thai hộ nộp cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và xuất trình giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của người mẹ sinh ra trẻ để đối chiếu. Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trẻ sinh ra cấp giấy chứng sinh theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Bước 3: Trả Giấy chứng sinh tại cơ sở khám chữa bệnh.
Cách thức thực hiện	
	Nộp trực tiếp.
Thành phần, số lượng hồ sơ	
	- Bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT - Giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân (CCCD, CMND, Căn cước, ...) hoặc hộ chiếu của người mẹ để đối chiếu. Số lượng hồ sơ : 01 Bộ
Thời gian giải quyết	
	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	
	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	
	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	
	Giấy chứng sinh
Lệ phí (nếu có)	
	không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Đính kèm thủ tục số ...)	
	Phụ lục 2: Bản xác nhận về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kỹ thuật mang thai hộ theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
	Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;- Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng giấy chứng sinh. |
|--|---|

Mẫu số 02.

TÊN CƠ SỞ KBCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cấp lần đầu: []

Mã số GCS:

Cấp lại: []

GIẤY CHỨNG SINH**1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ (MTH):**

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

2. Phần thông tin của bên mang thai hộ:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Mã số BHXH/Thẻ BHYT số

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh: Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút.....ngày.....tháng.....năm

Tại:

Số con trong lần sinh này:.....

Giới tính của con: Cân nặng gam

Dự định đặt tên con là:

Người nhờ MTH/ Người

MTH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đỡ đẻ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

.....

Đại diện cơ sở KBCB

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Chú thích :

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ghi thông tin người chồng bên mang thai hộ theo kê khai của Bên mang thai hộ hoặc Bên nhờ mang thai hộ cung cấp và không phải chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin này. Trong trường hợp không có thông tin người chồng bên mang thai hộ thì bỏ trống.
- Tên con dự định đặt có thể thay đổi khi khai sinh
- Con sinh ra là con của Bên (vợ chồng) nhờ mang thai hộ

Hướng dẫn ghi Giấy chứng sinh mẫu số 02

TT	Trường thông tin	Hướng dẫn cách ghi
1	Cơ sở KB, CB	Ghi rõ tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp Giấy chứng sinh.
2	Cấp lần đầu	Đánh dấu X vào ô, nếu cấp bản giấy Giấy chứng sinh lần đầu.
3	Cấp lại	Đánh dấu X vào ô, nếu cấp lại bản giấy Giấy chứng sinh.
4	Mã số Giấy chứng sinh	Mỗi giấy chứng sinh có 01 (một) mã số duy nhất. Cơ sở khám bệnh chữa bệnh sử dụng mã số này dùng để quản lý việc cấp giấy chứng sinh và liên thông dữ liệu điện tử lên Phần mềm dịch vụ công liên thông. Trường hợp sinh đôi trở lên thì mỗi trẻ sống có 01 (một) mã số giấy chứng sinh riêng biệt. Mã số giấy chứng sinh trên phần mềm và mã trên bản giấy phải trùng nhau. Mã số Giấy chứng sinh được sinh theo nguyên tắc như sau: Mã số giấy chứng sinh được quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh. Mã số gồm 18 ký tự theo định dạng XXXXX.GCS.ZZZZZ.YY Trong đó: - XXXXX: có độ dài 05 (năm) ký tự là số thứ tự tăng dần của số giấy chứng sinh đã cấp trong năm tại cơ sở khám chữa bệnh - GCS: Là ký tự cố định xác định với Giấy chứng sinh. - ZZZZZ: Mã số cơ sở khám chữa bệnh thực hiện theo Quyết định 384/QĐ-BYT ngày 01/02/2019 của Bộ Y tế quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó, mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gồm 05 (năm) ký tự thể hiện bằng số: 02 (hai) ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Tổng cục Thống kê (<i>Riêng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng mã ký tự là 97, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Công an là 98</i>); 03 (ba) ký tự tiếp theo là thứ tự của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, thành phố tương ứng bắt đầu từ số 001 và kết thúc bằng ZZZ. - YY: Độ dài 02 (hai) ký tự tương ứng với 02 (hai) ký tự cuối của năm cấp Giấy chứng sinh. <i>Ví dụ: Trẻ sinh ra ngày 23/5/2025 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có thứ tự số Giấy chứng sinh liên thông là 95, thì Mã số Giấy chứng sinh được ghi là: 00095.GCS.22001.25</i>

		Lưu ý: Nếu cấp lại Giấy chứng sinh thì phải sử dụng lại mã số của Giấy chứng sinh cũ đã cấp.
5	Họ, chữ đệm, tên khai sinh vợ (bên nhờ MTH)	Ghi họ, chữ đệm và tên vợ bên nhờ mang thai hộ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu.
6	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh người vợ bên nhờ mang thai hộ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.
7	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người vợ bên nhờ mang thai hộ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người vợ theo hộ chiếu.
8	Số ĐDCN/Hộ chiếu	Ghi rõ số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu người vợ bên nhờ mang thai hộ.
9	Nơi cư trú	Ghi nơi thường trú của người vợ bên nhờ mang thai hộ theo thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người nước ngoài cư trú ở Việt Nam thì ghi nơi đăng ký thường trú, tạm trú. Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi nơi cư trú theo hộ chiếu.
10	Mã số BHXH/Thẻ BHYT	Ghi rõ 10 chữ số của sổ BHXH hoặc số thẻ bảo hiểm y tế. Nếu không có ghi 10 số 0.
11	Họ, chữ đệm, tên chồng (bên nhờ mang thai hộ)	Ghi rõ họ, chữ đệm, tên người chồng bên nhờ mang thai hộ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu.
12	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh người chồng bên nhờ mang thai hộ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.
13	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người chồng bên nhờ mang thai hộ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người chồng bên nhờ mang thai hộ theo hộ chiếu.
14	Số ĐDCN/Hộ chiếu	Ghi rõ Số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu người chồng bên nhờ mang thai hộ.
15	Nơi cư trú	Ghi nơi thường trú của người chồng bên nhờ mang thai hộ theo thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người nước ngoài cư trú ở Việt Nam thì ghi nơi đăng ký thường trú, tạm trú.

		Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi nơi cư trú theo hộ chiếu.
16	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ (bên mang thai hộ)	Ghi họ, chữ đệm và tên người vợ bên mang thai hộ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu.
17	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh người vợ bên mang thai hộ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.
18	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người vợ bên mang thai hộ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người vợ theo hộ chiếu.
19	Số ĐDCN/Hộ chiếu	Ghi rõ Số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu người vợ bên mang thai hộ.
20	Nơi cư trú	Ghi nơi thường trú của người vợ bên mang thai hộ theo thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người nước ngoài cư trú ở Việt Nam thì ghi nơi đăng ký thường trú, tạm trú. Trường hợp người nước ngoài không đăng ký thường trú, tạm trú tại Việt Nam thì ghi nơi cư trú theo hộ chiếu.
21	Mã số BHXH/Thẻ BHYT	Ghi rõ 10 chữ số của Sổ BHXH hoặc số thẻ bảo hiểm y tế, nếu không có ghi 10 số 0.
22	Họ, chữ đệm, tên chồng (bên mang thai hộ)	Ghi họ, chữ đệm và tên người chồng bên mang thai hộ bằng chữ in hoa, có dấu theo bản chính thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu.
23	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh người chồng bên mang thai hộ theo năm dương lịch. Nếu không nhớ ngày, tháng thì ghi năm sinh có 04 chữ số.
24	Dân tộc	Ghi rõ tên dân tộc của người chồng bên mang thai hộ. Trường hợp không rõ dân tộc, thì ghi “Không rõ”. Trường hợp là người nước ngoài, thì ghi “Người nước ngoài” và ghi rõ quốc tịch của người chồng theo hộ chiếu.
25	Số ĐDCN/Hộ chiếu	Ghi rõ Số định danh cá nhân trên thẻ căn cước, căn cước điện tử hoặc giấy tờ hợp lệ có số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu người chồng bên mang thai hộ.
26	Đã sinh con vào lúc	Ghi giờ, phút, ngày, tháng, năm mà đứa trẻ sinh ra theo năm dương lịch.
27	Tại	Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và địa danh hành chính nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở.

28	Số con trong lần đẻ này	Ghi số con đẻ lần này. Trong trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì ghi cụ thể số con và mỗi trẻ được cấp 01 giấy chứng sinh có mã số riêng biệt.
29	Giới tính của con	Ghi cụ thể trẻ sinh ra sống là nam hay nữ. Trường hợp dị tật, không rõ là nam hay nữ thì ghi là không xác định.
30	Cân nặng	Ghi trọng lượng của trẻ đẻ ra được cân trong giờ đầu sau khi sinh theo đơn vị tính gam. Nếu không được cân thì ghi rõ “Không cân”.
31	Dự định đặt tên con	Ghi họ, tên đệm và tên dự kiến đặt cho trẻ (nếu có). Trường hợp chưa có dự định đặt tên cho trẻ, thì bỏ trống.
32	Ngày, tháng, năm	Ghi theo ngày, tháng, năm dương lịch cấp Giấy chứng sinh.
33	Người nhờ mang thai hộ/Người mang thai hộ (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên khai sinh)	Người nhờ mang thai hộ hoặc người mang thai hộ ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của mình và ghi rõ “Bên nhờ mang thai hộ” hoặc “Bên mang thai hộ”.
34	Người đỡ đẻ (Ký, ghi rõ chức danh và họ, chữ đệm, tên khai sinh)	Người đỡ đẻ phải ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và chức danh của mình.
35	Đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Ký tên, ghi rõ chức danh và họ, chữ đệm, tên và đóng dấu)	Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của mình và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

PHỤ LỤC IV**BẢN XÁC NHẬN VỀ VIỆC THỰC HIỆN KỸ THUẬT MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO***(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN XÁC NHẬN****Về việc thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo**Kính gửi:⁽¹⁾.....**1. Thông tin của bên nhờ mang thai hộ:**

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh : Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng:

Ngày, tháng, năm sinh : Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Giấy đăng ký kết hôn số:

2. Thông tin của bên mang thai hộ

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của vợ:

Ngày, tháng, năm sinh : Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên khai sinh của chồng (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh : Dân tộc:

Số ĐDCN/Hộ chiếu:

Nơi cư trú:

Giấy đăng ký kết hôn số (nếu có):.....

Xác nhận đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ thành công tại Bệnh viện:

- Ngày chuyển phôi:

- Số phôi chuyển:

- Dự kiến sinh:

BÊN NHỜ MANG THAI HỘ

NGƯỜI VỢ
(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên khai sinh)

NGƯỜI CHỒNG
(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên khai sinh)

....., ngày.....tháng..... năm

BÊN MANG THAI HỘ

NGƯỜI VỢ
(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên khai sinh)

NGƯỜI CHỒNG⁽²⁾
(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên khai sinh)

**Lãnh đạo khoa/đơn vị thực hiện kỹ thuật
mang thai hộ vì mục đích nhân đạo**
(Ký, ghi rõ chức danh và họ tên)

**Đại diện cơ sở KBCB
thực hiện kỹ thuật MTH**
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Chú thích :

- (1) Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.
(2) Chỉ ký và ghi họ tên người chồng nếu người mang thai hộ có chồng.

4. Thủ tục	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án
Trình tự thực hiện	
	Bước 1: Người bệnh hoặc người đại diện của người bệnh nếu có nhu cầu cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án có giấy đề nghị theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT gửi cơ sở khám chữa bệnh nơi đã khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh. Bước 2: Căn cứ hồ sơ của người bệnh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm trả cho người đề nghị giấy hẹn quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT, trong đó phải nêu rõ thời gian cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án và thực hiện việc cấp theo đúng thời gian trong giấy hẹn. Trường hợp quá thời gian trên chưa cấp bản tóm tắt bản hồ sơ bệnh án phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	
	Đường bưu chính công ích Nộp trực tiếp.
Thành phần, số lượng hồ sơ	
	Giấy đề nghị cấp tóm tắt hồ sơ bệnh án theo mẫu quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT Số lượng hồ sơ : 01 Bộ
Thời gian giải quyết	
	Thời gian cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án và thực hiện việc cấp theo đúng thời gian trong giấy hẹn
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	
	Cá nhân
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	
	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	
	Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án
Lệ phí (nếu có)	
	không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Đính kèm thủ tục số ...)	
	Phụ lục 1: Mẫu giấy đề nghị Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	
	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

- | |
|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;- Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; |
|---|

Mẫu số 04. Giấy đề nghị
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....Ngày..... tháng..... năm 20.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

☐ Cung cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án

☐ Tài liệu liên quan

☐ Đọc, xem, ghi chép hồ sơ bệnh án

Kính gửi:.....

Tôi tên là:

Địa chỉ:.....

Số Căn cước/Hộ chiếu:.....Điện thoại:.....

☐ Là người bệnh

☐ Làcủa người bệnh:..... Năm sinh:.....

Nhập viện ngày...../...../20.....

Ra viện ngày...../...../20.....

Số hồ sơ bệnh án/Mã số người bệnh:.....

Tôi viết đơn này đề nghị..... (Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh):.....

1. Cung cấp cho tôi:

☐ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án

☐ Tài liệu liên quan

☐ Giấy tờ khác, ghi rõ:.....

Mục đích:.....

2. ☐ Cho tôi được đọc, xem, ghi chép hồ sơ bệnh án của tôi/thân nhân của tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....Ngày..... tháng.....năm 20.....

Cơ sở KB, CB.....

GIẤY HẸN TRẢ BẢN TÓM TẮT HỒ SƠ BỆNH ÁN/TÀI LIỆU LIÊN QUAN

Họ tên:..... Năm sinh: Mã số người bệnh:.....

Hẹn trả kết quả:.....giờ.....ngày...../...../20..... tại.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người nhận

(Ký, ghi rõ họ tên)

5. Thủ tục	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế
Trình tự thực hiện	
	- Bước 1: Người tham gia khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế xuất trình các giấy tờ theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP) và Điều 4 của Thông tư số 01/2025/TT-BYT cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. - Bước 2: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận người bệnh tham gia bảo hiểm y tế vào cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để chẩn đoán và điều trị.
Cách thức thực hiện	
	Trực tiếp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	
	1. Thành phần hồ sơ: Trường hợp 1: Người tham gia bảo hiểm y tế khi khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thông tin về thẻ bảo hiểm y tế theo một trong các loại hồ sơ, giấy tờ sau đây: - Thẻ bảo hiểm y tế hoặc mã số bảo hiểm y tế; trường hợp thẻ bảo hiểm y tế chưa có ảnh thì phải xuất trình thêm một trong các giấy tờ tùy thân có ảnh: căn cước, căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước, hộ chiếu, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc giấy xác nhận của công an cấp xã hoặc giấy tờ khác có xác nhận của cơ sở giáo dục nơi quản lý học sinh, sinh viên; - Căn cước hoặc căn cước công dân hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID đã tích hợp thông tin về thẻ bảo hiểm y tế. Trường hợp 2: Đối với trẻ em dưới 6 tuổi chỉ xuất trình thẻ bảo hiểm y tế hoặc mã số bảo hiểm y tế; trường hợp chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế thì xuất trình giấy khai sinh bản gốc hoặc bản sao hoặc trích lục khai sinh, giấy chứng sinh bản gốc hoặc bản sao hoặc căn cước; đối với trẻ vừa sinh, cha hoặc mẹ hoặc thân nhân của trẻ ký xác nhận trên hồ sơ bệnh án hoặc người đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký xác nhận trên hồ sơ bệnh án trong trường hợp trẻ không có cha, mẹ hoặc thân nhân. Trường hợp 3: Người tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian chờ cấp lại thẻ, thay đổi thẻ bảo hiểm y tế hoặc thông tin về thẻ bảo hiểm y tế khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cấp, cấp lại và đổi thẻ bảo hiểm y tế, thông tin về thẻ bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền cấp và một loại giấy tờ chứng minh về nhân thân của người đó theo quy định. Trường hợp 4: Người đã hiến bộ phận cơ thể người phải xuất trình thông tin về thẻ bảo hiểm y tế theo quy định. Trường hợp chưa có thẻ bảo hiểm y tế thì phải xuất trình giấy ra viện do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi lấy bộ phận cơ thể người cấp cho người đã hiến bộ phận cơ thể người và một trong các giấy tờ chứng minh nhân thân của người đó: căn cước, căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước, hộ chiếu, tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp. Trường hợp phải điều trị ngay sau khi hiến thì đại diện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi lấy bộ phận cơ thể và người bệnh hoặc thân nhân của người bệnh ký xác nhận vào hồ sơ bệnh án.

Trường hợp 5: Trường hợp cấp cứu, người tham gia bảo hiểm y tế phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 15 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP) trước khi kết thúc đợt điều trị. Trường hợp 6: Người thay đổi nơi lưu trú quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế phải xuất trình các giấy tờ quy định tại Điều 28 của Luật Bảo hiểm y tế và Điều 15 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP) và một trong các giấy tờ: Văn bản cử đi công tác; Thẻ học sinh, sinh viên, học viên; Văn bản về việc nghỉ phép có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý người tham gia bảo hiểm y tế; Văn bản cử hoặc phân công nhiệm vụ làm việc lưu động của cơ quan, đơn vị quản lý người tham gia bảo hiểm y tế; Giấy tờ thể hiện quan hệ thành viên gia đình theo pháp luật về hôn nhân và gia đình và thông tin về lưu trú đã cập nhật trên tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID. Trường hợp 7: Người thay đổi nơi tạm trú phải xuất trình các giấy tờ quy định tại Điều 28 của Luật Bảo hiểm y tế và Điều 15 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP) và một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về thay đổi nơi tạm trú gồm phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền cho người đăng ký tạm trú về việc đã cập nhật thông tin đăng ký tạm trú hoặc thông tin về đăng ký tạm trú trên tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID. Trường hợp 8: Người bệnh trong trường hợp được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hẹn khám lại thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 01/2025/TT-BYT. Trường hợp 9: Người bệnh trong trường hợp chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 01/2025/TT Số lượng hồ sơ : 01 Bộ	
Thời gian giải quyết	
	Giải quyết ngay sau khi xuất trình hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	
	Người tham gia bảo hiểm y tế.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	
	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	
	Người tham gia bảo hiểm y tế được giải quyết quyền lợi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế
Lệ phí (nếu có)	
	- Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế và các Bộ khác về giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

	không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. - Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn quản lý thuộc phạm vi được phân quyền quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Đính kèm thủ tục số ...)	
	Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP) (áp dụng đối với trường hợp 3)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	
	- Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội; Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 về việc ban hành quy chế bệnh viện; Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ Y tế bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện.